



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3515.1988>

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG TỰ BẢO VỆ BẢN THÂN CHO TRẺ 5-6 TUỔI Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON TẠI PHƯỜNG PHÚ THỌ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Xuân Hương

Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

Email: loveheo94@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 08/6/2026; Ngày nhận chỉnh sửa: 24/6/2026; Ngày duyệt đăng: 15/7/2026

Tóm tắt

Nghiên cứu này nhằm phân tích thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho trẻ 5-6 tuổi tại Trường Mầm non Phú Thọ, Trường Mầm non Sao Vàng, Trường Mầm non Họa Mi và Trường Mầm non Sơn Ca thuộc phường Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh. Dữ liệu được thu thập từ 149 khách thể khảo sát, gồm 28 cán bộ quản lý và 121 giáo viên, thông qua bảng hỏi và phỏng vấn. Phương pháp nghiên cứu kết hợp giữa định lượng và định tính cùng các phương pháp thống kê toán học được sử dụng để phân tích dữ liệu. Kết quả cho thấy công tác quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho trẻ đã được các nhà trường quan tâm triển khai và đạt được những kết quả tích cực. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế trong công tác lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá và các điều kiện bảo đảm cho hoạt động giáo dục. Kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc hoàn thiện công tác quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho trẻ 5 – 6 tuổi tại các trường mầm non trên địa bàn nghiên cứu.

Từ khóa: *Kỹ năng tự bảo vệ bản thân, phường Phú Thọ, quản lý giáo dục, quản lý hoạt động giáo dục, trẻ 5-6 tuổi, trường mầm non.*

Trích dẫn: Nguyễn, T. X. H. (2026). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non tại phường Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15(03S), 339-342. <https://doi.org/10.52714/dthu.sch.3515.1988>

Copyright © 2026 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

CURRENT MANAGEMENT OF SELF-PROTECTION SKILLS EDUCATION ACTIVITIES FOR CHILDREN AGED 5-6 YEARS IN PRESCHOOLS IN PHU THO WARD, HO CHI MINH CITY

Nguyen Thi Xuan Huong

Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

Email: loveheo94@gmail.com

Article history

Received: 08/6/2026; Received in revised form: 24/6/2026; Accepted: 15/7/2026

Abstract

This study analyzes the current management of self-protection skills education activities for children aged 5-6 years at Phu Tho, Sao Vang, Hoa Mi, and Son Ca Preschools in Phu Tho Ward, Ho Chi Minh City. Data were collected from 149 respondents, including 28 administrators and 121 preschool teachers, through questionnaires and interviews. A mixed-methods approach of quantitative and qualitative research, together with statistical analysis, was employed to analyze the data. The findings indicate that the target management has received considerable attention from the participating preschools and has achieved positive results. However, several limitations remain in the tasks of planning, organizing, directing, monitoring, evaluating, and ensuring the necessary conditions for implementing these educational activities. The study provides a practical basis for improving the management of self-protection skills education activities for children aged 5-6 years in preschools within the study area.

Keywords: *Children aged 5-6 years, educational management, management of educational activities, Phu Tho Ward, preschools, self-protection skills.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh xã hội hiện đại với nhiều biến động phức tạp, môi trường sống của trẻ em tiềm ẩn ngày càng nhiều nguy cơ về tai nạn, bạo lực, xâm hại và các rủi ro xã hội khác. Đối với trẻ mầm non, đặc biệt là trẻ 5-6 tuổi, việc được trang bị kỹ năng tự bảo vệ (KNTBV) bản thân không chỉ giúp các em nhận diện nguy hiểm, biết cách ứng phó phù hợp và tìm kiếm sự trợ giúp khi cần thiết, mà còn góp phần quan trọng vào việc hình thành sự tự tin, tính chủ động và khả năng thích nghi trong cuộc sống. Ở bậc giáo dục mầm non, KNTBV bản thân là một trong những kỹ năng sống nền tảng, có ý nghĩa lâu dài đối với sự phát triển nhân cách và đảm bảo an toàn cho trẻ. Do đó, việc tổ chức và quản lý hiệu quả hoạt động giáo dục KNTBV bản thân trong các trường mầm non là yêu cầu khách quan, mang tính cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

Tính cần thiết của vấn đề này còn được khẳng định rõ trong các chủ trương, chính sách và văn bản pháp luật của Nhà nước. Luật Trẻ em năm 2016 quy định trẻ em có quyền được bảo vệ trước mọi hình thức xâm hại, bạo lực, bóc lột và được sống trong môi trường an toàn. Nghị định số 56/2017/NĐ-CP của Chính phủ (2017) tiếp tục cụ thể hóa trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác bảo vệ trẻ em, trong đó nhấn mạnh vai trò của cơ sở giáo dục mầm non trong việc giáo dục các kỹ năng phòng, chống xâm hại và bảo đảm an toàn cho trẻ. Bên cạnh đó, Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (2013) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã xác định mục tiêu phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học, kết hợp hài hòa giữa giáo dục tri thức, đạo đức và kỹ năng sống. Đối với bậc học mầm non, KNTBV bản thân được xem là một nội dung trọng tâm, gắn chặt với yêu cầu bảo vệ, chăm sóc và phát triển trẻ em trong giai đoạn đầu đời.

Trên cơ sở đó, Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2009) và Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi đã xác định rõ yêu cầu hình thành cho trẻ khả năng nhận biết nguy cơ, thực hiện các hành vi an toàn và biết tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp tình huống nguy hiểm. Nội dung giáo dục an toàn, KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi được tích hợp trong nhiều hoạt động giáo dục nhằm giúp trẻ hình thành những kỹ năng cần thiết để tự bảo vệ bản thân trong sinh hoạt hằng ngày. Điều này cho thấy giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ không chỉ là nhu cầu thực tiễn mà còn là yêu cầu bắt buộc từ chương trình giáo dục quốc gia, đòi hỏi công tác quản lý phải được thực hiện một cách khoa học, đồng bộ và hiệu quả.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu tập trung khảo sát thực trạng quản lý hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi tại Trường Mầm non Phú Thọ, Trường Mầm non Sao Vàng, Trường Mầm non Họa Mi và Trường Mầm non Sơn Ca thuộc phường Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh, nhằm cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ tại các trường mầm non trên địa bàn.

2. Tổng quan lý thuyết, lược sử nghiên cứu và phát triển giả thuyết

Quản lý hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ mầm non được xem là một trong những yếu tố quan trọng góp phần bảo đảm an toàn và phát triển toàn diện cho trẻ. Nhiều nghiên cứu trên thế giới đã khẳng định việc giáo dục KNTBV bản thân cần được thực hiện thường xuyên, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và gắn với các tình huống thực tiễn mà trẻ có thể gặp phải trong cuộc sống. Yoon (2011) đã đề xuất nhiều biện pháp thực hành giúp trẻ nhận diện nguy hiểm, nâng cao ý thức cảnh giác, bảo đảm an toàn cá nhân và ứng phó với các tình huống rủi ro trong cuộc sống. Theo Obee & cs. (2023) nhấn mạnh tác dụng của các khóa đào tạo năng lực quản lý lớp học cho giáo viên (GV) mầm non. Kết quả nghiên cứu cho thấy, khi GV được trang bị kỹ năng quản lý lớp học tích cực, môi trường tâm lý - xã hội trong lớp trở nên an toàn, thân thiện hơn, qua đó tạo điều kiện thuận lợi để giáo dục các kỹ

năng an toàn cho trẻ. Theo Dike (2024) tại các cơ sở giáo dục mầm non ở Nigeria cho thấy, dù GV đã ý thức hơn về an toàn cho trẻ, nhưng quy trình quản lý - từ giám sát, kiểm tra đến phản hồi - còn thiếu chặt chẽ. Điều này khiến môi trường giáo dục vẫn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn. Tác giả kiến nghị cần nâng cao năng lực quản lý, xây dựng các chuẩn an toàn cụ thể và củng cố cơ chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và các lực lượng xã hội để tăng hiệu lực bảo vệ trẻ. Theo Rasmani (2025), chất lượng quản lý giáo dục mầm non phụ thuộc chặt chẽ vào năng lực lãnh đạo của CBQL trong ba khâu: lập kế hoạch, giám sát và đánh giá hoạt động chuyên môn của GV. Khi nhà trường có cơ chế quản lý rõ ràng, phân định trách nhiệm cụ thể, khuyến khích đổi mới, các chương trình chuyên đề như giáo dục KNTBV sẽ được triển khai hệ thống, đồng bộ và hiệu quả hơn. Tổng quan các kết quả nghiên cứu quốc tế cho thấy, quản lý hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ thường gắn với ba nhóm nội dung chính: xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục gắn với đặc điểm lứa tuổi; tổ chức bộ máy, quy trình, cơ chế phối hợp giữa nhà trường - gia đình - cộng đồng; phát triển đội ngũ GV, tăng cường nguồn lực và bảo đảm chất lượng môi trường giáo dục. Các nghiên cứu đều hướng đến mục tiêu chung là trang bị cho trẻ các KNTBV thiết yếu, giảm thiểu nguy cơ xung đột, tổn thương và nâng cao khả năng thích ứng an toàn trong xã hội hiện đại.

Ở Việt Nam, hướng nghiên cứu về quản lý hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ mới được triển khai trong những năm gần đây. Mai Hương (2014) cho rằng giáo dục kỹ năng sống giữ vai trò quan trọng trong sự phát triển toàn diện nhân cách trẻ, đồng thời nhấn mạnh việc tích hợp các KNTBV bản thân vào các hoạt động giáo dục để giúp trẻ chủ động phòng tránh các nguy cơ và rủi ro trong môi trường sống. Huỳnh (2014) khẳng định KNTBV bản thân là một nội dung quan trọng của giáo dục kỹ năng sống, góp phần giúp trẻ nhận diện nguy cơ và ứng phó an toàn trong các tình huống của cuộc sống hằng ngày. Theo Lê (2023), nhận thức của cán bộ quản lý (CBQL) và GV có vai trò định hướng toàn bộ hoạt động quản lý giáo dục KNTBV. Khi CBQL và GV nhận thức đúng về vai trò, mục tiêu và ý nghĩa của giáo dục KNTBV, việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá sẽ được tiến hành đồng bộ, hiệu quả. Ngược lại, nếu nhận thức còn hạn chế, hoạt động giáo dục KNTBV dễ mang tính hình thức, thiếu chiều sâu.

Từ những công trình đã công bố có thể nhận thấy, ở Việt Nam đã hình thành những cơ sở ban đầu về lý luận và thực tiễn đối với quản lý hoạt động giáo dục KNTBV cho trẻ mầm non. Tuy vậy, phần lớn nghiên cứu mới dừng lại ở quản lý hoạt động giáo dục KNS nói chung, trong đó KNTBV bản thân chỉ là một nội dung cấu thành

Tại phường Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh, các trường mầm non đã quan tâm tổ chức hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi nhằm nâng cao nhận thức và hình thành cho trẻ những kỹ năng cần thiết để ứng phó với các tình huống nguy hiểm. Tuy nhiên, qua thực tiễn cho thấy công tác quản lý hoạt động này vẫn còn một số hạn chế trong lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra đánh giá, phối hợp các lực lượng giáo dục và khai thác các điều kiện hỗ trợ. Thực tiễn đó đặt ra yêu cầu cần nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi tại các trường mầm non trên địa bàn nhằm đánh giá khách quan những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân, làm cơ sở đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý trong thời gian tới.

3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Khách thể, đối tượng và mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại 04 trường mầm non trên địa bàn phường Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh, gồm: Trường Mầm non Phú Thọ, Trường Mầm non Sao Vàng, Trường Mầm non Hòa Mĩ và Trường Mầm non Sơn Ca. Tổng quy mô mẫu chính thức đưa vào phân tích là 149 cá nhân, tương ứng với 149 phiếu khảo sát hợp lệ sau khi làm sạch dữ liệu. Cơ cấu

mẫu được lựa chọn có chủ đích nhằm bảo đảm tính đại diện cho các lực lượng trực tiếp tham gia quản lý và tổ chức hoạt động giáo dục KNTBV bản thân trong nhà trường. Cụ thể, nhóm CBQL gồm 28 người (04 Hiệu trưởng và 08 Phó Hiệu trưởng, 16 Tổ trưởng chuyên môn), là lực lượng trực tiếp chỉ đạo, tổ chức và giám sát việc triển khai hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non. Nhóm GV gồm 121 người, là lực lượng trực tiếp thực hiện hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi theo kế hoạch của nhà trường.

3.2. Phương pháp và công cụ thu thập dữ liệu

Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi được sử dụng để thu thập dữ liệu định lượng. Công cụ khảo sát là bộ câu hỏi cấu trúc được xây dựng trên cơ sở tổng quan tài liệu, khung lý thuyết về hoạt động giáo dục và quản lý hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi. Nội dung bảng hỏi bao gồm các nhóm tiêu chí đánh giá thực trạng hoạt động giáo dục KNTBV bản thân; các chức năng quản lý gồm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá; và các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi. Trước khi tiến hành khảo sát chính thức, bảng hỏi được rà soát, điều chỉnh về nội dung và hình thức diễn đạt nhằm bảo đảm tính rõ ràng, phù hợp với mục tiêu nghiên cứu và đối tượng khảo sát.

Bên cạnh đó, phương pháp phỏng vấn được sử dụng để bổ sung và làm rõ kết quả khảo sát. Khách thể phỏng vấn gồm 20 người (08 CBQL và 12 GV), chọn theo nguyên tắc thuận tiện, chọn đại diện một số CBQL và GV của 4 trường trên địa bàn nghiên cứu. Ở mỗi trường, tác giả liên hệ gặp trực tiếp hiệu trưởng giới thiệu để chọn CBQL và GV và mời phối hợp trả lời phỏng vấn. Dữ liệu phỏng vấn được sử dụng để đối chiếu, giải thích sâu hơn các kết quả thu được từ khảo sát bằng bảng hỏi.

3.3. Quy trình xử lý và phân tích dữ liệu

Sau khi thu thập, dữ liệu khảo sát được kiểm tra, làm sạch và mã hóa trước khi đưa vào xử lý. Dữ liệu định lượng được mã hóa theo thang đo Likert 5 mức độ và xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel. Căn cứ vào điểm trung bình, các mức độ đánh giá được quy ước như sau: từ 1,00 đến 1,80 là không bao giờ; từ 1,81 đến 2,60 là hiếm khi; từ 2,61 đến 3,40 là thỉnh thoảng; từ 3,41 đến 4,20 là thường xuyên; và từ 4,21 đến 5,00 là rất thường xuyên (Bảng 1).

Bảng 1. Thang đánh giá mức độ khảo sát

Điểm	1	2	3	4	5
Mức độ	Không bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
Thang đánh giá	1,00 - 1,80	1,81 - 2,60	2,61 - 3,40	3,41 - 4,20	4,21 - 5,00

Dữ liệu khảo sát được phân tích bằng các phương pháp thống kê mô tả gồm tần suất, tỷ lệ phần trăm (%), điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC) và xếp hạng (XH) nhằm đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi tại các trường mầm non.

Giá trị ĐTB của từng tiêu chí được tính theo công thức: $\bar{x} = \frac{\sum(x_i \times f_i)}{n}$

Trong đó: x_i là giá trị điểm số của từng phương án lựa chọn (từ 1 đến 5); f_i là tần số lựa chọn của từng phương án; n là tổng số người tham gia khảo sát.

Dữ liệu định tính thu thập từ phỏng vấn được mã hóa, phân loại theo các nội dung nghiên cứu và sử dụng để bổ sung, đối chiếu, làm rõ các kết quả phân tích định lượng.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non tại Phường Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh

4.1.1. Thực trạng lập kế hoạch hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non tại Phường Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 2. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về lập kế hoạch hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho trẻ 5-6 tuổi

STT	Lập kế hoạch	Mức độ đánh giá (%)					ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
		1	2	3	4	5			
1	Xác định nhu cầu thực tế về giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi thông qua khảo sát và thu thập ý kiến từ GV và cha mẹ trẻ	1,3	2,7	52,3	38,3	5,4	3,44	0,70	4
2	Xác định mục tiêu, lựa chọn các nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non	0	1,3	29,5	51,7	17,4	3,85	0,71	2
3	Lập kế hoạch xác định các lực lượng tham gia hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non	0	0	4,7	65,8	29,5	4,25	0,53	1
4	Lập kế hoạch lựa chọn các điều kiện đảm bảo cho hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non	0	10,7	53,7	35,6	0	3,25	0,64	5
5	Phổ biến, tuyên truyền kế hoạch hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho các lực lượng tham gia	0	0	32,2	63,8	4,0	3,72	0,53	3
ĐTB chung							3,70		

Kết quả khảo sát tại Bảng 2 cho thấy công tác lập kế hoạch hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi tại các trường mầm non ở Phường Phú Thọ được đánh giá ở mức thường xuyên (ĐTB chung = 3,70), với điểm trung bình các nội dung khảo sát dao động từ 3,25 đến 4,25. Nội dung được đánh giá cao nhất là “Lập kế hoạch xác định các lực lượng tham gia hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non” (ĐTB = 4,25; ĐLC = 0,53). Kết quả này cho thấy nhà trường đã quan tâm xác định rõ các lực lượng tham gia ngay từ giai đoạn xây dựng kế hoạch, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phối hợp tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục.

Nội dung “Xác định mục tiêu, lựa chọn các nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non” đạt ĐTB = 3,85 (ĐLC = 0,71), tiếp theo là “Phổ biến, tuyên truyền kế hoạch hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho các lực lượng tham gia” đạt ĐTB = 3,72 (ĐLC = 0,53). Điều này cho thấy các trường đã chú trọng xây dựng kế hoạch với những thành tố cơ bản và triển khai kế hoạch đến các lực lượng liên quan nhằm bảo đảm hoạt động giáo dục được thực hiện theo định hướng đã đề ra.

Ở mức thấp hơn, nội dung “Xác định nhu cầu thực tế về giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi thông qua khảo sát và thu thập ý kiến từ GV và cha mẹ trẻ” đạt ĐTB = 3,44 (ĐLC = 0,70). Thấp nhất là “Lập kế hoạch lựa chọn các điều kiện đảm bảo cho hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5 – 6 tuổi ở trường mầm non” với ĐTB = 3,25 (ĐLC = 0,64). Kết quả này phản ánh việc khảo sát nhu cầu thực tế và chuẩn bị các điều kiện bảo đảm cho hoạt động giáo dục vẫn chưa được thực hiện thật sự hiệu quả, ảnh hưởng nhất định đến tính khả thi của kế hoạch.

Theo CBQL8, “Kế hoạch hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ nhìn chung được xây dựng đúng quy trình, tuy nhiên cần tăng cường hơn việc giám sát và rà soát sau khi ban hành để bảo đảm tính khả thi trong thực hiện”. Chia sẻ này phần nào cho thấy kế hoạch tuy đã được xây dựng tương đối bài bản, nhưng việc gắn với điều kiện triển khai thực tế vẫn cần được quan tâm nhiều hơn.

Nhìn chung, công tác lập kế hoạch hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi đã được các trường mầm non quan tâm thực hiện. Tuy nhiên, việc khảo sát nhu cầu thực tế và lựa chọn các điều kiện bảo đảm cần tiếp tục được chú trọng nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả triển khai hoạt động giáo dục trong thực tiễn.

4.1.2. Thực trạng tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non tại Phường Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 3. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho trẻ 5-6 tuổi

STT	Tổ chức thực hiện	Mức độ thực hiện (%)					ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
		1	2	3	4	5			
1	Tổ chức thực hiện mục tiêu, nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi	0	0	12,8	59,1	28,2	4,15	0,62	1
2	Huy động sự tham gia của các chuyên gia tâm lý, y tế hoặc cán bộ an ninh để phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi	0	52,3	26,8	18,1	2,7	2,71	0,86	5
3	Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn trong nhà trường để thảo luận các khó khăn và giải pháp trong giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi	0	0	66,4	33,6	0	3,34	0,47	4
4	Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục phục vụ hoạt	0	0	24,8	71,1	4,0	3,79	0,50	2

STT	Tổ chức thực hiện	Mức độ thực hiện (%)					ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
		1	2	3	4	5			
	động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi								
5	Tiến hành các hoạt động sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, điều chỉnh trong quá trình thực hiện hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi	0	0	28,2	67,8	4,0	3,76	0,52	3
ĐTB chung							3,55		

Kết quả khảo sát tại Bảng 3 cho thấy công tác tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi tại các trường mầm non ở Phường Phú Thọ được đánh giá ở mức thường xuyên (ĐTB chung = 3,55), với điểm trung bình các nội dung khảo sát dao động từ 2,71 đến 4,15. Tuy nhiên, các nội dung thành phần có sự chênh lệch tương đối rõ, với ĐTB dao động từ 2,71 đến 4,15. Điều đó cho thấy một số mặt trong tổ chức thực hiện đã được nhà trường quan tâm khá tốt, trong khi một số nội dung khác vẫn còn gặp khó khăn, nhất là những nội dung cần sự tham gia của lực lượng hỗ trợ từ bên ngoài. Nội dung được đánh giá cao nhất là “Tổ chức thực hiện mục tiêu, nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi” (ĐTB = 4,15; ĐLC = 0,62), Theo CBQL1, “trong quá trình tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi, nhà trường thường chú trọng kiểm tra, dự giờ, tổ chức sinh hoạt chuyên môn, đồng thời sơ kết và rút kinh nghiệm theo từng giai đoạn để bảo đảm các mục tiêu, nội dung, hình thức và phương pháp được triển khai tương đối đồng bộ”. Chia sẻ này góp phần làm rõ hơn cơ sở của mức đánh giá cao ở nội dung trên.

Tiếp theo là “Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục phục vụ hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi” (ĐTB = 3,79; ĐLC = 0,50). Kết quả này cho thấy các nhà trường đã quan tâm triển khai tương đối đồng bộ các thành tố cơ bản của hoạt động giáo dục KNTBV, đồng thời chú trọng chuẩn bị điều kiện vật chất phục vụ quá trình tổ chức thực hiện.

Nội dung “Tiến hành các hoạt động sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, điều chỉnh trong quá trình thực hiện hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi” đạt ĐTB = 3,76 (ĐLC = 0,52). Điều này cho thấy nhà trường đã chú ý theo dõi và điều chỉnh hoạt động trong quá trình triển khai nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục. Bên cạnh đó, nội dung “Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn trong nhà trường để thảo luận các khó khăn và giải pháp trong giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi” đạt ĐTB = 3,34 (ĐLC = 0,47), phản ánh sinh hoạt chuyên môn đã được thực hiện nhưng chưa thật sự phát huy hiệu quả đồng đều giữa các trường.

Nội dung có mức đánh giá thấp nhất là “Huy động sự tham gia của các chuyên gia tâm lý, y tế hoặc cán bộ an ninh để phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi” (ĐTB = 2,71; ĐLC = 0,86). thuộc mức trung bình và là nội dung có điểm thấp nhất trong bảng. Kết quả này phản ánh sự phối hợp với các lực lượng chuyên môn bên ngoài nhà trường còn khá hạn chế. Trong khi đó, đây lại là nguồn hỗ trợ quan trọng, nhất là với những nội dung cần kiến thức chuyên sâu hoặc trải nghiệm thực tế cho trẻ. Theo CBQL4, “nhà trường có thực hiện kiểm tra và tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong quá trình triển khai hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ, tuy nhiên việc mời chuyên gia bên ngoài tham gia phối hợp vẫn còn hạn chế, chủ yếu do điều kiện kinh phí và việc sắp xếp nguồn lực chưa thật sự thuận lợi”. Nhận định này phần nào lý giải vì sao nội dung huy động chuyên gia tâm lý, y tế hoặc cán bộ an ninh có mức đánh giá thấp nhất.

Nhìn chung, công tác tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi đã được các trường mầm non quan tâm triển khai. Tuy nhiên, việc tăng cường sinh hoạt chuyên môn và mở rộng sự phối hợp với các lực lượng chuyên gia bên ngoài vẫn cần tiếp tục được chú trọng nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ.

4.1.3. Thực trạng chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non tại Phường Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 4. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho trẻ 5-6 tuổi

STT	Chỉ đạo thực hiện	Mức độ chỉ đạo (%)					ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
		1	2	3	4	5			
1	Chỉ đạo, hướng dẫn GV và các lực lượng giáo dục thực hiện mục tiêu, nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi	0	21,5	44,3	27,5	6,7	3,19	0,85	5
2	Chỉ đạo cho GV thường xuyên đổi mới, đa dạng hoá hình thức và phương pháp giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi	0	0	14,8	59,1	26,2	4,11	0,63	2
3	Chỉ đạo việc phối hợp giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi	0	0	4,7	65,8	29,5	4,25	0,53	1
4	Chỉ đạo chuẩn bị và sử dụng các trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi	0	0	6,7	81,2	12,1	4,05	0,43	3
5	Chỉ đạo giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi	0	1,3	30,9	62,4	5,4	3,72	0,58	4
ĐTB chung							3,86		

Kết quả khảo sát tại Bảng 4 cho thấy công tác chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi tại các trường mầm non ở Phường Phú Thọ được đánh giá ở mức thường xuyên (ĐTB chung = 3,86), với điểm trung bình các nội dung khảo sát dao động từ 3,19 đến 4,25. Nội dung được đánh giá cao nhất là “Chỉ đạo việc phối hợp giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi” (ĐTB = 4,25; ĐLC = 0,53). Theo CBQL1, “trong quá trình chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi, nhà trường luôn chú trọng hướng dẫn đổi mới phương pháp, đồng thời quan tâm phối hợp với các lực lượng liên quan khi cần thiết để hỗ trợ quá trình giáo dục trẻ”. Chia sẻ này góp phần làm rõ vì sao nội dung phối hợp các lực lượng lại được đánh giá cao nhất. Mặc dù nội dung chỉ đạo việc phối hợp giữa các lực lượng trong

và ngoài nhà trường được đánh giá ở mức rất cao ($\text{ĐTB} = 4,25$), song kết quả về huy động sự tham gia của các chuyên gia tâm lý, y tế hoặc cán bộ an ninh chỉ đạt mức thấp ($\text{ĐTB} = 2,71$). Điều này cho thấy công tác chỉ đạo của CBQL chủ yếu tập trung vào việc phối hợp với các lực lượng thường xuyên như GV, cha mẹ trẻ và các tổ chức trong nhà trường, trong khi việc kết nối, huy động các lực lượng chuyên môn ngoài nhà trường còn gặp nhiều khó khăn do hạn chế về nguồn lực, cơ chế phối hợp và điều kiện tổ chức. Vì vậy, mặc dù định hướng chỉ đạo được thực hiện khá tốt, việc triển khai trên thực tế vẫn chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

Nội dung “Chỉ đạo chuẩn bị và sử dụng các trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi” đạt $\text{ĐTB} = 4,05$ ($\text{ĐLC} = 0,43$), được đánh giá ở mức khá cao. Điều này cho thấy CBQL đã quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất và phương tiện hỗ trợ để GV tổ chức các hoạt động giáo dục thuận lợi hơn. Bên cạnh đó, nội dung “Chỉ đạo giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi” đạt $\text{ĐTB} = 3,72$ ($\text{ĐLC} = 0,58$), phản ánh công tác hỗ trợ và xử lý những khó khăn trong quá trình thực hiện đã được quan tâm nhưng hiệu quả chưa thật sự đồng đều.

Nội dung có mức đánh giá thấp nhất là “Chỉ đạo, hướng dẫn GV và các lực lượng giáo dục thực hiện mục tiêu, nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi” ($\text{ĐTB} = 3,19$; $\text{ĐLC} = 0,85$). Theo CBQL8, “công tác chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ được nhà trường triển khai theo định kỳ, tuy nhiên cần tăng cường hơn việc kiểm tra thực tế tại lớp và hỗ trợ kịp thời đối với những GV còn gặp khó khăn trong quá trình thực hiện”. Ý kiến này phần nào lý giải vì sao nội dung chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp GV và các lực lượng tham gia chưa đạt mức cao hơn. Kết quả này cho thấy việc hướng dẫn trực tiếp và hỗ trợ chuyên môn cho GV trong quá trình triển khai hoạt động vẫn còn những hạn chế nhất định, ảnh hưởng đến sự thống nhất và hiệu quả thực hiện giữa các lớp và các trường.

Nhìn chung, công tác chỉ đạo hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi đã được các trường mầm non quan tâm thực hiện. Tuy nhiên, cần tăng cường hơn nữa việc hướng dẫn, hỗ trợ trực tiếp GV và các lực lượng tham gia, đồng thời nâng cao hiệu quả xử lý những khó khăn phát sinh trong quá trình triển khai nhằm nâng cao chất lượng giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ.

4.1.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non tại Phường Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 5. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho trẻ 5 – 6 tuổi

STT	Kiểm tra, đánh giá	Mức độ kiểm tra, đánh giá (%)					ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
		1	2	3	4	5			
1	Xây dựng nội dung và các tiêu chuẩn kiểm tra, đánh giá phù hợp nội dung thực hiện các mục tiêu giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi	0	0	32,2	51,7	16,1	3,84	0,68	1
2	Lựa chọn hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp nội dung giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi	0	2,7	30,2	58,4	8,7	3,73	0,65	2

STT	Kiểm tra, đánh giá	Mức độ kiểm tra, đánh giá (%)					ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
		1	2	3	4	5			
3	Lựa chọn, phân công lực lượng kiểm tra, đánh giá cụ thể theo các chức năng, nhiệm vụ được giao	0	0	61,1	37,6	1,3	3,40	0,52	3
4	Tuyên dương, khen thưởng những cá nhân, bộ phận thực hiện tốt hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi	0	10,7	53,7	35,6	0	3,25	0,64	4
5	Tổng kết, rút kinh nghiệm từng giai đoạn để kịp thời có những điều chỉnh trong hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi	0	14,1	62,4	23,5	0	3,09	0,61	5
ĐTB chung							3,46		

Kết quả khảo sát tại Bảng 5 cho thấy công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi tại các trường mầm non ở Phường Phú Thọ được CBQL và GV nhìn chung đánh giá ở mức thường xuyên, với ĐTB chung đạt 3,46. Các nội dung có sự dao động từ 3,09 đến 3,84, phản ánh việc triển khai đã được thực hiện nhưng chưa thật sự đồng đều giữa các khâu.

Nội dung được đánh giá cao nhất là “Xây dựng nội dung và tiêu chuẩn kiểm tra, đánh giá phù hợp mục tiêu giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi” với ĐTB 3,84 (ĐLC = 0,68), cho thấy nhà trường đã quan tâm xây dựng tiêu chí tương đối rõ ràng làm cơ sở đánh giá. Theo CBQL1, “công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5 – 6 tuổi được thực hiện dựa trên các tiêu chí cụ thể, có sự phân công rõ ràng và được tổng kết định kỳ để kịp thời điều chỉnh”. Chia sẻ này góp phần cho thấy việc xây dựng tiêu chí kiểm tra, đánh giá đã được chú ý trong thực tiễn quản lý. Tiếp theo là “Lựa chọn hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp” với ĐTB 3,73 (ĐLC = 0,65), phản ánh sự chú ý đến tính phù hợp trong cách thức đánh giá.

Ở mức thấp hơn, nội dung “Phân công lực lượng kiểm tra, đánh giá” đạt ĐTB 3,40 (ĐLC = 0,52), cho thấy sự phối hợp giữa các lực lượng chưa thật sự rõ nét. “Tuyên dương, khen thưởng” đạt ĐTB 3,25 (ĐLC = 0,64), kết quả này phản ánh hoạt động động viên, khích lệ đã được quan tâm nhưng chưa trở thành một điểm mạnh trong công tác kiểm tra, đánh giá. Nếu việc tuyên dương, khen thưởng chưa thật sự kịp thời và đa dạng thì tác dụng thúc đẩy tinh thần của các cá nhân, bộ phận thực hiện tốt nhiệm vụ sẽ còn hạn chế. Thấp nhất là “Tổng kết, rút kinh nghiệm theo giai đoạn” với ĐTB 3,09 (ĐLC = 0,61), điều này cho thấy việc tổng kết, rút kinh nghiệm sau từng giai đoạn chưa được thực hiện thường xuyên và hiệu quả như mong đợi. Chia sẻ về hạn chế này, CBQL8 cho biết: “trong công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ, nhà trường đã xây dựng tiêu chí cụ thể, tuy nhiên việc tuyên dương, khen thưởng và tổng kết theo từng giai đoạn vẫn cần được thực hiện kịp thời hơn để tạo động lực và điều chỉnh hoạt động hiệu quả hơn”. Ý kiến này phần nào lý giải vì sao nội dung tổng kết, rút kinh nghiệm có mức đánh giá thấp nhất trong bảng. Nhìn chung, công tác kiểm tra, đánh giá đã được triển khai tương đối đầy đủ, nhưng cần tăng cường hơn ở khâu

khen thưởng và đặc biệt là tổng kết, rút kinh nghiệm để nâng cao hiệu quả điều chỉnh hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ.

4.1.5. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho trẻ 5-6 tuổi ở các trường mầm non tại Phường Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 6. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho trẻ 5-6 tuổi

STT	Các yếu tố ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng (%)					ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
		1	2	3	4	5			
1	Nhận thức của CBQL và GV về hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi	0,7	4,7	20,8	52,3	21,5	3,89	0,81	6
2	Năng lực tổ chức hoạt động giáo dục KNTBV của GV mầm non	0	4,7	16,8	58,4	20,1	3,94	0,75	4
3	Đặc điểm tâm lý và vốn kinh nghiệm sống của trẻ	0	4,7	16,1	54,4	24,8	3,99	0,78	3
4	Hệ thống văn bản chỉ đạo của các cấp, ngành về quản lý hoạt động giáo dục KNTBV	0	2,0	18,1	52,3	27,5	4,05	0,73	2
5	Điều kiện về cơ sở vật chất và phương tiện giáo dục của trường mầm non	0	0,7	17,4	57,0	24,8	4,06	0,67	1
6	Sự phối hợp giữa nhà trường, GV, cha mẹ trẻ và cộng đồng	1,3	3,4	18,1	56,4	20,8	3,92	0,80	5
ĐTB chung							3,98		

Kết quả khảo sát tại Bảng 6 cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi tại các trường mầm non ở Phường Phú Thọ được đánh giá ở mức thường xuyên (ĐTB chung = 3,98), với các mức điểm dao động từ 3,89 đến 4,06, phản ánh mức độ ảnh hưởng tương đối đồng đều giữa các yếu tố.

Yếu tố được đánh giá cao nhất là “Điều kiện cơ sở vật chất và phương tiện giáo dục” (ĐTB = 4,06), kết quả này phản ánh cơ sở vật chất và phương tiện giáo dục là nền tảng quan trọng để nhà trường tổ chức, điều hành và kiểm soát hiệu quả hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ. Khi có đủ điều kiện vật chất, GV sẽ thuận lợi hơn trong việc xây dựng tình huống, tổ chức trải nghiệm và hướng dẫn trẻ thực hành kỹ năng tự bảo vệ. Theo GV10, “quản lý hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ chịu tác động bởi nhiều yếu tố, trong đó có điều kiện cơ sở vật chất, năng lực tổ chức của GV và sự phối hợp giữa nhà trường với phụ huynh”. Ý kiến này góp phần cho thấy cơ sở vật chất không chỉ là điều kiện hỗ trợ mà còn có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng quản lý hoạt động giáo dục KNTBV trong nhà trường. Tiếp theo là

“Hệ thống văn bản chỉ đạo” (ĐTB = 4,05), cho thấy đây là những yếu tố nền tảng quan trọng tác động trực tiếp đến hiệu quả quản lý. Các yếu tố “Đặc điểm tâm lý và kinh nghiệm sống của trẻ” (ĐTB = 3,99) và “Năng lực tổ chức của GV” (ĐTB = 3,94) cũng được đánh giá ở mức ảnh hưởng nhiều, phản ánh vai trò của yếu tố người học và đội ngũ thực hiện. Kết quả này cho thấy trình độ chuyên môn, kỹ năng tổ chức hoạt động và sự chủ động của GV có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả quản lý. Bởi lẽ, dù kế hoạch và chỉ đạo có phù hợp đến đâu, nếu năng lực tổ chức của GV còn hạn chế thì chất lượng triển khai trong thực tế cũng khó đạt như mong muốn.

Thấp nhất là “Nhận thức của CBQL và GV” (ĐTB = 3,89), tuy nhiên vẫn thuộc mức ảnh hưởng nhiều. Điều này cho thấy tất cả các yếu tố khảo sát đều có tác động đáng kể đến hiệu quả quản lý hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ. Điều đó cho thấy mặc dù xếp cuối về thứ bậc, nhận thức của CBQL và GV vẫn là yếu tố có tác động rõ rệt đến hiệu quả quản lý hoạt động này. Nếu đội ngũ chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, ý nghĩa và yêu cầu của giáo dục KNTBV thì việc triển khai các khâu quản lý sẽ khó đạt hiệu quả cao. Theo CBQL4, “hiệu quả quản lý hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ không chỉ phụ thuộc vào điều kiện cơ sở vật chất mà còn chịu tác động bởi nhận thức của GV và mức độ quan tâm, phối hợp của phụ huynh; nếu các yếu tố này thiếu đồng bộ thì hiệu quả sẽ giảm đi”. Chia sẻ này góp phần lý giải vì sao nhận thức tuy không phải yếu tố đứng đầu nhưng vẫn có ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng quản lý hoạt động giáo dục KNTBV.

Nhìn chung, các yếu tố được khảo sát đều có ảnh hưởng đáng kể đến quản lý hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi. Trong đó, cơ sở vật chất và hệ thống văn bản chỉ đạo là những yếu tố nổi bật hơn, còn các yếu tố thuộc về con người và phối hợp giáo dục vẫn giữ vai trò quan trọng, đòi hỏi sự quan tâm đồng bộ trong quá trình quản lý.

5. Kết luận

Nghiên cứu đã đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ 5-6 tuổi tại các trường mầm non ở Phường Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh trên các phương diện: xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá. Kết quả cho thấy công tác quản lý hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ đã được các nhà trường quan tâm triển khai và đạt được những kết quả tích cực. Các nội dung về xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và chỉ đạo đều được đánh giá ở mức thường xuyên, phản ánh sự quan tâm của CBQL đối với hoạt động giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ.

Tuy nhiên, việc thực hiện các chức năng quản lý chưa thật sự đồng đều. Một số nội dung như khảo sát nhu cầu thực tế, huy động các lực lượng tham gia giáo dục, bảo đảm điều kiện hỗ trợ, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, cũng như công tác kiểm tra, đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá còn đạt mức chưa cao. Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục KNTBV bản thân cho trẻ vẫn chưa thật sự chặt chẽ và hiệu quả.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, các trường mầm non cần tăng cường xây dựng kế hoạch giáo dục KNTBV bản thân theo hướng cụ thể, khả thi; chú trọng bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động cho GV, đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá và đẩy mạnh sự phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ trẻ. Đồng thời, GV cần chủ động nâng cao năng lực chuyên môn, đa dạng hóa hình thức giáo dục và tạo nhiều cơ hội để trẻ được trải nghiệm, thực hành kỹ năng trong các tình huống thực tiễn. Sự phối hợp chặt chẽ giữa CBQL, GV và gia đình sẽ góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục KNTBV bản thân, bảo đảm sự phát triển an toàn và toàn diện cho trẻ 5-6 tuổi.

Tài liệu tham khảo

Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm*

2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2009). *Thông tun số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009, Ban hành Chương trình Giáo dục mầm non.*
- Chính phủ. (2017). *Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em.*
- Dike, I. C., & Otu, M. S. (2024). Safety and protection practices in the early childhood education centres. *International Journal of Home Economics, Hospitality and Allied Research*, 3(1): 294-305. DOI: <https://doi.org/10.57012/ijhhr.v3n1.023>
- Huỳnh, V. S. (2014). *Nhập môn kỹ năng sống*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Kenny, M.C., Capri, V., R., R., Thakkar-Kolar, , Ryan, E.E. and Runyon, M.K. (2008), Child sexual abuse: from prevention to self-protection. *Child Abuse Rev.*, 17: 36-54. <https://doi.org/10.1002/car.1012>
- Lê, T. T. H. (2023), *Giáo dục kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ 5 – 6 tuổi theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường mầm non khu vực miền núi phía Bắc*. Luận án Tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, Việt Nam. Truy cập từ <https://byvn.net/ggZN>
- Mai Hương. (2014). *Giáo dục kỹ năng sống*. Hà Nội: NXB Văn hóa - Thông tin.
- Obee, A. F., Smith, J., & Collins, C. (2023), Professional development targeting classroom management skills in early childhood education: A longitudinal study. *Early Childhood Education Journal*, 51(7), 1335–1352. <https://doi.org/10.1007/s12310-022-09562-x>
- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016). *Luật Trẻ em số 102/2016/QH13, ngày 05 tháng 4 năm 2016.*
- Rasmani, U. E. E., Widiastuti, Y. K. W., Wahyuningsih, S., Nurjanah, N. E., Zuhro, N. S., Fitrianingtyas, A., & Winarji, B. (2025). The Urgency of Educational Management Training to Foster Teachers' Teaching Skills: Learn from Early Childhood Education (ECE) in Surakarta. *International Journal of Learning, Teaching and Educational Research*, 24(1), 152-171. <https://doi.org/10.26803/ijlter.24.1.8>
- Yoon, Y. H. (2011). *45 cách dạy trẻ tự bảo vệ mình*. Hà Nội: NXB Thông tin và Truyền thông.